

VẬN DỤNG LÝ THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ BẰNG SƠ ĐỒ TƯ DUY BÀI TỰ NHIÊN - XÃ HỘI BẰNG SƠ ĐỒ TƯ DUY

• Dương Huy Cẩn(*)

Tóm tắt

Tổ chức dạy học theo lý thuyết đa trí tuệ bằng sơ đồ tư duy có tác dụng kích thích tính tích cực học tập, tìm tòi nghiên cứu, phát triển năng lực và kỹ năng học tập cho học sinh. Phát triển trí tuệ của học sinh trong học tập theo năng lực của từng cá nhân phù hợp với nội dung học tập góp phần thực hiện mục tiêu và chất lượng dạy học. Bài báo trình bày tóm tắt về lý thuyết đa trí tuệ, sơ đồ tư duy trong dạy học và cách vận dụng lý thuyết đa trí tuệ bằng sơ đồ tư duy trong dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3; Khoa học lớp 4, 5; Lịch sử và Địa lý lớp 4, 5 (Tự nhiên - Xã hội) ở tiểu học để phát triển năng lực học tập cho học sinh.

Từ khóa: Tự nhiên - Xã hội, đa trí tuệ, sơ đồ tư duy, tiểu học.

1. Đặt vấn đề

Lý thuyết đa trí tuệ hay sự đa dạng của trí thông minh với cơ sở là khả năng giải quyết các vấn đề hoặc tạo ra các giải pháp hay sản phẩm. Vận dụng lý thuyết này trong dạy học các môn học Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý (Tự nhiên - Xã hội) là môn học có lợi thế và nhiều cơ hội để tổ chức đa dạng các hoạt động giải quyết vấn đề học tập cho học sinh (HS). Đó chính là môi trường để giáo viên (GV) tổ chức, hướng dẫn HS khai thác, tìm kiếm kiến thức trong các bài học. Như vậy, vận dụng lý thuyết đa trí tuệ đã kích thích sự tò mò nghiên cứu, phát huy tính tích cực trong học tập của HS, đồng thời để phát triển kiến thức, kỹ năng, năng lực học tập cho HS. Do đó, tổ chức dạy học các bài Tự nhiên - Xã hội theo lý thuyết đa trí tuệ bằng tiếp cận sơ đồ tư duy nhằm khơi dậy hứng thú học tập, phát triển năng lực, trí thông minh của HS là có ý nghĩa thiết thực hiện nay.

2. Tổ chức dạy học bài Tự nhiên - Xã hội theo lý thuyết đa trí tuệ bằng sơ đồ tư duy

2.1. Lý thuyết đa trí tuệ

Năm 1983, tiến sĩ Howard Gardner - một nhà tâm lý học nổi tiếng của Đại học Harvard, đã xuất bản một cuốn sách có nhan đề "Frames of Mind", trong đó ông công bố các nghiên cứu lý thuyết của mình về sự đa dạng của trí thông minh (Theory of Multiple Intelligences).

Theo Gardner, trí thông minh được ông quan niệm "là khả năng giải quyết các vấn đề hoặc tạo ra các sản phẩm mà các giải pháp hay sản phẩm

này có giá trị trong một hay nhiều môi trường văn hóa" và trí thông minh đang có những thay đổi lớn với tính chất đa dạng hơn khi chuyển từ đơn trí tuệ sang đa trí tuệ. Theo đó các dạng thông minh gồm:

- *Trí thông minh về toán học/logic*: Những người có trí thông minh này có thiên hướng học tập thông qua các lập luận logic, thích toán học, lập trình, chơi xếp hình...

- *Trí thông minh về ngôn ngữ/lời nói*: Những người có trí thông minh này có thiên hướng học tập thông qua việc nói và viết, thích đọc, chơi ô chữ...

- *Trí thông minh về thị giác/không gian*: Những người có trí thông minh này có thiên hướng học tập thông qua hình ảnh, đồ vật, sử dụng tốt bản đồ và định hướng tốt trong không gian...

- *Trí thông minh về vận động cơ thể*: Những người có trí thông minh này có thiên hướng học tập thông qua cách vận động và sử dụng động tác, chơi thể thao...

- *Trí thông minh về âm nhạc/giai điệu*: Thể hiện ở sự say sưa và yêu thích âm nhạc, chơi các nhạc cụ, biết thưởng thức, nhạy cảm và nghe được chính xác các giai điệu và nhịp điệu.

- *Trí thông minh hướng ngoại*: Người có trí thông minh này có thiên hướng học tập thông qua sử dụng các kỹ năng xã hội, giao tiếp, hợp tác làm việc với người khác, thích gặp gỡ và trò chuyện, có khả năng thông hiểu người khác...

- *Trí thông minh hướng nội*: Thể hiện thiên hướng học tập thông qua tình cảm, cảm giác, điều khiển và làm chủ tốt việc học của mình, hiểu rõ các suy nghĩ của bản thân, từ đó có thể hiểu cảm

(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

xúc, tình cảm của người khác...

- *Trí thông minh về thiên nhiên*: Người có khả năng học tập thông qua hệ thống sắp xếp, phân loại, yêu thích thiên nhiên, các hoạt động ngoài trời...

Các nhà giáo dục ở Mỹ đã ứng dụng rộng rãi lý thuyết này vào quá trình dạy học của mình trên khắp nước Mỹ và nhiều nước khác, nhằm giúp cho kết quả của quá trình giáo dục đạt hiệu quả cao. Mặt khác, lý thuyết này cũng giúp cho các nhà giáo dục thực hành (phụ huynh HS, GV) thấy được thế mạnh của từng loại năng lực trí tuệ trong từng cá nhân HS và con em mình, để không đòi hỏi cái mà cá nhân đó không thể có và giúp cho HS dưới tác động của giáo dục có thể phát huy tối đa năng lực trí tuệ nổi trội của mình.

2.2. Sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng hay kết quả làm việc của cá nhân/nhóm về một chủ đề. Sơ đồ tư duy là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh, để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Nhờ sự kết nối giữa các nhánh, các ý tưởng được liên kết với nhau khiến sơ đồ tư duy có thể bao quát được các ý tưởng trên một phạm vi sâu rộng mà các ý tưởng thông thường không thể làm được. Tính hấp dẫn của hình ảnh, âm thanh,... gây ra những kích thích rất mạnh lên não giúp cho việc ghi nhớ được lâu bền và tạo ra những điều kiện thuận lợi để vỏ não phân tích, xử lý, rút ra kết luận hoặc xây dựng mô hình về đối tượng cần nghiên cứu. Cách thực hiện một sơ đồ tư duy như sau:

- Viết tên chủ đề/ý tưởng chính ở trung tâm.

- Từ chủ đề/ý tưởng chính trung tâm đó, vẽ các nhánh chính, trên mỗi nhánh chính viết một nội dung lớn của chủ đề hoặc ý tưởng có liên quan ý tưởng trung tâm nói trên.

- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ, để rồi viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó (nhánh cấp 1, cấp 2, cấp 3...).

- Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ/nhánh tiếp theo.

2.3. Thực hiện bài học theo lý thuyết đa trí tuệ bằng sơ đồ tư duy

Thực tiễn cho thấy việc tổ chức dạy học bằng áp dụng linh hoạt, tổng hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực mà Bộ Giáo dục và Đào

tạo đã triển khai gần đây như ứng dụng công nghệ thông tin, bàn tay nặn bột, sơ đồ tư duy... sẽ tạo ra môi trường học tập đa trí tuệ rất hiệu quả. Trong đó, kỹ thuật dạy học bằng sơ đồ tư duy huy động nhiều trí thông minh, góp phần phát triển toàn diện cho HS. Theo định hướng này, tổ chức dạy học theo lý thuyết đa trí tuệ theo tiếp cận sơ đồ tư duy được thực hiện như sau:

2.3.1. Các bước thực hiện

Bước 1. GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu, đọc sách giáo khoa, tìm từ khóa hoặc gợi ý HS các từ khóa (từ trung tâm, chủ đề) (*phát huy trí tuệ về nội tâm, ngôn ngữ*).

Bước 2. HS thảo luận nhóm, lớp về nội dung, dưới sự dẫn dắt gợi ý của GV để đưa ra từ khóa (*phát huy trí tuệ giao tiếp*).

Bước 3. HS thiết lập sơ đồ tư duy về bài học (*phát huy trí tuệ ngôn ngữ, logic, không gian*) vì sơ đồ tư duy là sự kết hợp cả đường nét, màu sắc, chữ viết và có thể vẽ thêm các hình ảnh liên tưởng trong thực tế cuộc sống, thiên nhiên vào sơ đồ tư duy (*trí tuệ tự nhiên học*).

Bước 4. HS trình bày về sơ đồ tư duy trước nhóm, lớp. Việc trình bày cần sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt, điều bộ cơ thể (*phát huy trí tuệ giao tiếp, ngôn ngữ giao tiếp, hình thể*).

2.3.2. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1. Bài 48. *Quả* (Tự nhiên và Xã hội 3).

Hoạt động 1. Kể tên các loại quả.

Mục tiêu: HS kể tên các quả đã biết và quả mang đến lớp, nhớ lại đặc điểm của quả.

Hoạt động 2. Đặc điểm của quả.

Mục tiêu: HS biết được mỗi quả có đặc điểm về hình dạng, kích thước, bộ phận, màu sắc, mùi vị khác nhau.

Thực hiện hoạt động này GV điều khiển HS làm việc như sau:

Bước 1. Tìm các từ chỉ đặc điểm của quả? HS đọc nội dung sách giáo khoa trang 92.

Bước 2. Nêu ra các từ về đặc điểm của quả? Thảo luận theo nhóm từ 4 đến 6 HS, cả lớp.

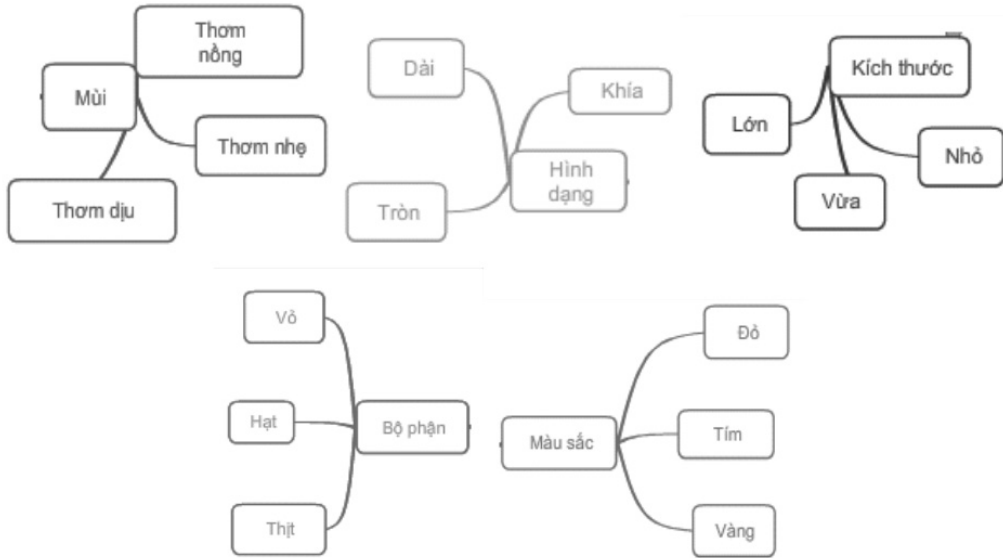
(GV có thể gợi ý các từ khóa như hình dạng (tròn, dài, khía, chùy...); kích thước (lớn, nhỏ, vừa...); bộ phận (vỏ, thịt, hạt...); màu sắc (vàng, đỏ, xanh, tím...); mùi (thơm nồng, thơm dịu, thơm nhẹ); các bộ phận: vỏ (cứng, mềm, gai, lông...);

thịt (dính vào vỏ, tách vỏ, nhiều múi...); hạt (nhỏ, nhiều, một, cứng...).

Bước 3a. Lập sơ đồ tư duy về từng đặc điểm của quả? Bảng phụ hoặc giấy A₃, phiếu học tập: Đặc điểm về... của quả? (Mỗi nhóm một từ trung tâm: hình dạng, kích thước, bộ phận, màu sắc, mùi vị).

(GV gợi ý HS có thể dùng đường nét, màu sắc, chữ viết và có thể vẽ thêm các hình ảnh trên các nhánh).

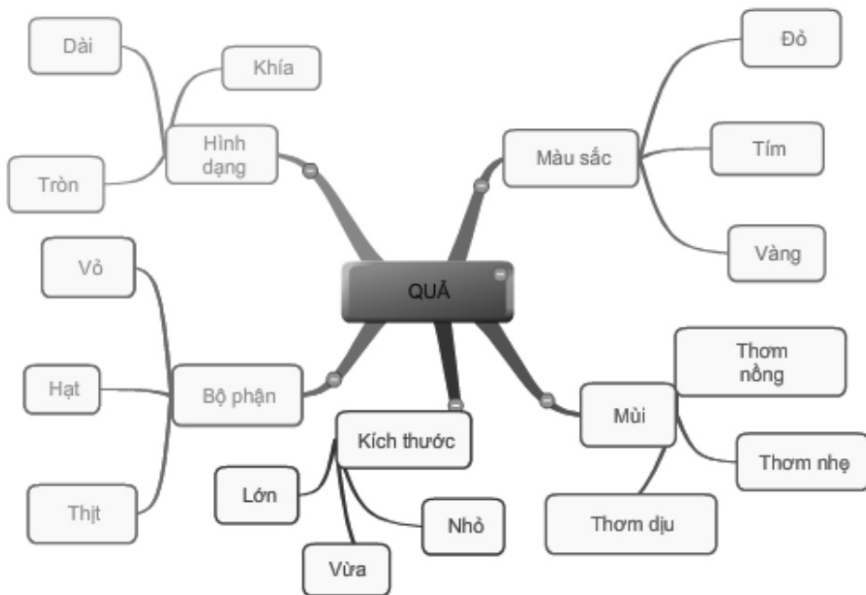
Kết thúc bước 3a các nhóm trưng bày sản phẩm lên bảng lớp để tất cả HS cùng theo dõi, sản phẩm các nhóm về từng đặc điểm của quả có thể như sau:



Sơ đồ 1. Các đặc điểm của quả

Bước 3b. Lập sơ đồ tư duy về đặc điểm chung của quả? Bảng phụ hoặc bìa, giấy A₀, phiếu học tập: (1) Vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm chung của quả? (2) Bổ sung, điều chỉnh về các đặc điểm của quả? (nếu có).

Hoàn thành bước 3b các nhóm trình bày sản phẩm về đặc điểm chung của quả để cả lớp cùng theo dõi, phản biện, sản phẩm các nhóm về đặc điểm của quả có thể như sau:



Sơ đồ 2. Đặc điểm chung của quả

Bước 4. Trình bày sơ đồ tư duy đặc điểm chung của quả? GV cho các nhóm trình bày sản phẩm của mình, cả lớp theo dõi, nhận xét, phản biện, GV đánh giá, kết luận.

Thông qua việc tham gia xây dựng các sơ đồ tư duy nói trên, cùng với theo dõi trình bày, nhận xét của cả lớp, HS hiểu biết đầy đủ về đặc điểm chung về màu sắc, hình dạng, kích thước, mùi vị và các bộ phận của quả. Đồng thời, học tập theo hướng này làm phát triển đa dạng năng lực tư duy phân tích, tổng hợp, sáng tạo... trong học tập của HS.

Ví dụ 2. Bài 12. *Phòng một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng* (Khoa học 4).

Hoạt động 1. Kể tên một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng

Mục tiêu: HS biết một số bệnh gây ra do thiếu chất dinh dưỡng.

Thực hiện hoạt động này GV tổ chức HS làm việc như sau:

Bước 1. Nêu tên một số bệnh liên quan đến chất dinh dưỡng? HS suy nghĩ nêu ra.

Bước 2. Kể tên các chất dinh dưỡng khi cơ thể

thiếu thì gây bệnh? HS đọc sách giáo khoa trang 26, thảo luận theo nhóm từ 4 đến 6 HS, cả lớp.

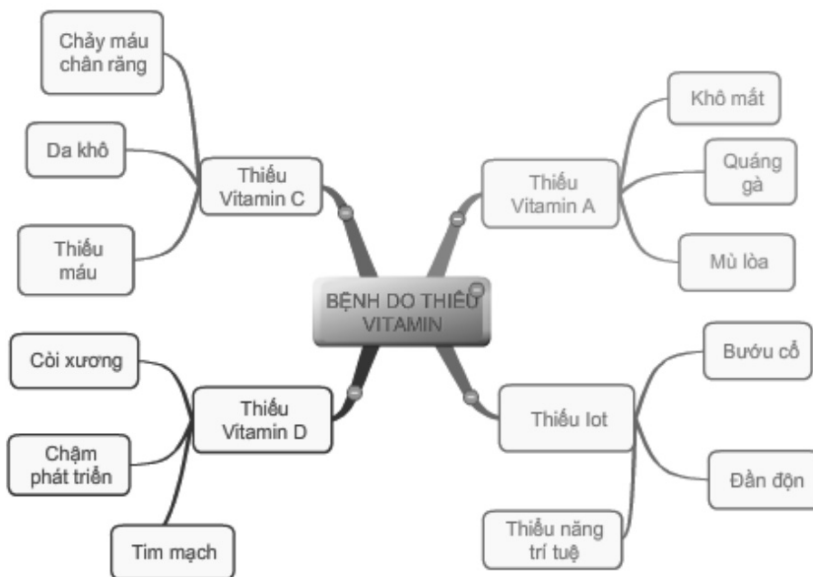
(GV có thể gợi ý các từ khóa như chất đạm (protein), Vi-ta-min A, Vi-ta-min D, I-ôt, Vi-ta-min K, Vi-ta-min C, Vi-ta-min E...)

Bước 3a. Lập sơ đồ tư duy về bệnh do thiếu chất? Bảng phụ hoặc giấy A₃, phiếu học tập: Bệnh do thiếu chất...? (Mỗi nhóm một từ trung tâm: thiếu chất đạm (protein), thiếu

Vi-ta-min A, thiếu Vi-ta-min D, thiếu I-ôt, thiếu Vi-ta-min C). (GV gợi ý HS có thể dùng đường nét, màu sắc, chữ viết và có thể vẽ thêm các hình ảnh trên các nhánh).

Kết thúc bước 3a các nhóm trưng bày sản phẩm lên bảng lớp để tất cả HS cùng theo dõi.

Bước 3b. Lập sơ đồ tư duy về bệnh do thiếu chất dinh dưỡng? Bảng phụ hoặc bìa, giấy A₀, phiếu học tập: (1) Vẽ sơ đồ tư duy về bệnh do thiếu chất dinh dưỡng? (2) Vẽ thêm, sửa đổi về các bệnh do thiếu chất dinh dưỡng? (nếu có). Hoàn thành bước 3b các nhóm trình bày sản phẩm để cả lớp cùng theo dõi, nhận xét; sản phẩm của các nhóm có thể như sau:



Sơ đồ 3. Bệnh do thiếu chất dinh dưỡng

Bước 4. Trình bày sơ đồ tư duy về bệnh do thiếu chất dinh dưỡng? GV cho các nhóm trình bày sản phẩm của mình, cả lớp theo dõi, nhận xét, phản biện, GV đánh giá, kết luận.

Từ việc tham gia xây dựng các sơ đồ tư duy nói trên, cùng với theo dõi trình bày, nhận xét của cả lớp, HS hiểu biết đầy đủ về chất dinh dưỡng, bệnh do thiếu chất dinh dưỡng.

3. Kết luận

Đạy học theo hướng tích cực hóa người học, phát triển năng lực HS là phương hướng đổi mới trong giáo dục hiện nay. Tổ chức dạy học theo lý thuyết đa trí tuệ tiếp cận sơ đồ tư duy một cách hợp lý sẽ phát huy tính tích cực, tự lực tìm hiểu kiến thức, phát triển các năng lực của HS. Những năng lực và kỹ năng thực hành, thực nghiệm giúp phát triển khả năng sáng tạo, tìm tòi, phát hiện của HS

trong môi trường cuộc sống và thực tiễn. Các hoạt động học tập của HS ở trường tiểu học rất đa dạng, trong đó các môn học về Tự nhiên - Xã hội GV sử dụng phương pháp dạy học để khai thác kiến thức một cách hợp lý, hiệu quả được coi là những môn học có tiềm năng để khơi dậy lòng say mê khoa học, sự hứng thú học tập và phát triển các năng lực học tập của HS./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt - Bỉ (2010), *Đạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Tự nhiên và Xã hội 3*, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Khoa học 4*, NXB Giáo dục.
4. Tony Buzan (2014), *Nền tảng và ứng dụng của bản đồ tư duy*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

IMPLEMENTING MULTIPLE INTELLIGENCE THEORY TO TEACH THE NATURE - SOCIETY SUBJECTS BY MIND MAPPING

Summary

Multiple intelligence-based instruction by mind mapping helps to stimulate students' positive learning, research, capacity development and learning skills. Developing individual intelligences in accordance with lesson contents contributes to achieving lesson objectives and quality. This paper presents a brief summary of multiple intelligences theory, mind mapping in teaching, and the use of these tools in teaching Nature-Society subjects of grades 1, 2, 3; Science subject grades 4, 5; History and Geography grade 4 (Nature-Society) in elementary school in order to develop students' learning capacity.

Keywords: Nature-Society, multiple intelligences, mind mapping, elementary.

Ngày nhận bài: 7/9/2017; Ngày nhận lại: 24/10/2017; Ngày duyệt đăng: 22/11/2017.